

ĐIỀU TRA KHẢO SÁT VÙNG PHÂN BỐ, ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM NÔNG SINH HỌC VÀ YÊU CẦU SINH THÁI CỦA CÂY MĂNG LOI

■ Nguyễn Văn Hoa⁽¹⁾, Lê Đức Tình⁽²⁾, Thái Thị Mỹ Lương⁽²⁾
Vũ Đức Dũng⁽²⁾, Đặng Văn Quát⁽³⁾



Măng Loi trên đỉnh Pù Loi



I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Măng Loi là loại “Rau rừng đặc sản” được người dân bản địa tìm thấy tại đỉnh núi Pù Loi, thuộc xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ. Sở dĩ có tên là măng Loi vì loại măng này được mọc trên đỉnh núi Pù Loi. Măng mọc thành từng cụm dày, phát triển rất nhanh, cứ trồi lên khỏi mặt đất rồi đâm ra tua tủa. Ngọn măng nhỏ, nhọn, lá nhỏ, vỏ bóng. Măng Loi là loại măng cùng

họ với măng tre, có đặc điểm chỉ mọc ở vùng cao, khí hậu lạnh.

Cây măng Loi được người dân địa phương sử dụng như một loại thực phẩm từ lâu đời, bởi nó có vị ngon, giòn, đặc trưng ngọt thanh, lành tính, có giá trị dinh dưỡng cao. Măng Loi có nhiều chất dinh dưỡng thiết yếu và khoáng chất, chất xơ, có lợi cho tim và đường ruột. Măng có thể thúc đẩy sức khỏe tim mạch,

⁽¹⁾ UBND huyện Tân Kỳ; ⁽²⁾ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Tân Kỳ; ⁽³⁾ Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An

chống ung thư, giúp giảm cân... nên được rất nhiều người tin dùng và ưa chuộng. Hơn nữa, cây măng Loi được bán với giá khá cao (từ 30.000-50.000 đồng/kg măng tươi đã bóc vỏ) mang lại thu nhập cho người dân nơi đây.

Việc nghiên cứu bảo tồn và phát triển cây măng Loi cũng như nghiên cứu thử nghiệm việc nhân giống gây trồng cây măng Loi hiện nay là một trong những hướng đi phù hợp với chủ trương của tỉnh về bảo tồn nguồn gen, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương cũng như tỉnh nhà. Cây măng Loi đã đưa lại những lợi ích to lớn cho đời sống của con người, tuy nhiên hiện nay việc khai thác quá mức, khai thác tận thu, triệt để về cả cây con và cây già đã làm cho cây măng trên đỉnh núi Pù Loi bị suy giảm về số lượng cá thể, dẫn đến những khu rừng có cây măng Loi đứng trước nguy cơ giảm về diện tích cũng như sản lượng và chất lượng. Chính vì vậy việc đưa măng Loi vào bảo tồn, khai thác hợp lý, bền vững là một giải pháp lâu dài và cần thiết. Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm có cơ sở đề xuất các biện pháp bảo tồn, khai thác hợp lý, hướng đến phát triển bền vững rừng và nguồn gen cây măng Loi ở xã Tiên Kỳ.

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm và đối tượng nghiên cứu

- Địa điểm: Khu vực nghiên cứu (KVNC) là xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

- Đối tượng: Đối tượng nghiên cứu là loài cây măng Loi.

- Điều tra, khảo sát về sự phân bố của

cây măng Loi tại các xã Tiên Kỳ, Đồng Văn, Tân Hợp huyện Tân Kỳ.

- Đánh giá đặc điểm nông sinh học và sinh thái của loài cây măng Loi: thu thập, lấy mẫu loài măng Loi để nghiên cứu.

2. Phương pháp điều tra, khảo sát

- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn cán bộ kiểm lâm và người dân tham gia khai thác, chế biến các sản phẩm từ cây măng Loi tại khu vực nghiên cứu theo Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nông - khuyến lâm.

- Phương pháp xác định sự phân bố của loài cây măng Loi: Sử dụng bản đồ số để phân tích thảm thực vật và xác định sự phân bố của loài cây măng Loi, kết hợp đi thực địa và sử dụng máy GPS để kiểm tra độ chính xác về phân bố các khu vực có xuất hiện cây măng Loi trên bản đồ.

- Phương pháp xác định tên khoa học: Thu mẫu, định loại dựa vào phương pháp hình thái so sánh theo tài liệu của Nguyễn Tiến Bân và Phạm Hoàng Hộ.

- Phương pháp khảo sát, đánh giá các đặc điểm sinh thái, nông sinh học: Thực địa, quan sát, đo đạc, mô tả, lấy mẫu đất và phân tích các đặc điểm sinh thái, nông sinh học, đất lập địa của loài cây măng Loi tại khu vực nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

1. Kết quả điều tra, khảo sát vùng phân bố của cây măng Loi

Cây măng Loi là một loài tre đặc hữu của huyện Tân Kỳ, kết quả bước đầu so sánh hình thái, xác định cho thấy măng Loi trông giống cây Sặt gai, ở Việt Nam hiện nay có tới 50 loài khác nhau nằm trong 3 chi: chi Arundinaria, có 14 loài; chi Indosasa (Chi Vầu); chi Chinomobambusa (chi Sặt gai).

Bước đầu xác định cây măng Loi thuộc chi Sặt gai (Chimonobambusa), có tên khoa học là *Chimonobambusa*.SP, phân bố tự nhiên tại vùng núi Pù Loi có độ cao trên 850m so với mực nước biển, thuộc

địa bàn của 03 xã Tiên Kỳ, Đồng Văn, huyện Tân Kỳ và xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn với diện tích còn khoảng 20ha. Kết quả điều tra cho thấy tại vùng núi Pù Lôi, cây măng Lôi bắt đầu xuất hiện ở các sườn núi có độ cao từ 650m so với mực nước biển, có mật độ từ 50.000-300.000 cây/ha, càng lên cao mật độ xuất hiện cây măng Lôi càng nhiều và dày, rừng cây măng Lôi mọc lên đến đỉnh núi Pù Lôi, nơi có đặc điểm khí hậu á nhiệt đới, mát mẻ quanh năm có nhiệt độ trung bình năm $<21,5^{\circ}\text{C}$, lượng mưa biến động từ 1.500-2.500mm. Hiện nay, trên núi Pù Lôi chỉ còn lại khoảng 04ha cây măng Lôi mọc tự nhiên tương đối tập trung, có mật độ từ 20-30 cây/m², tương đương 200.000-300.000 cây/ha.

2. Đánh giá đặc điểm nông sinh học và yêu cầu sinh thái của loài cây măng Lôi

2.1. Đặc điểm hình thái

Kết quả điều tra, quan sát và lấy mẫu thân ngầm của cây măng Lôi xem xét, đánh giá cho thấy cây măng Lôi là loài tre thân ngầm kiểu hỗn hợp, đây là một kiểu thân ngầm mọc hỗn hợp cả loại mọc cụm và mọc rải đơn. Phần nhiều chồi ở thân ngầm roi tre sẽ phát triển thành các cây tre trúc đơn độc, nhưng một số chồi phát triển theo kiểu mọc cụm. Thực tế ở rừng măng Lôi trên núi Pù Lôi phần lớn cây măng Lôi mọc

rải đơn, tuy nhiên một số cây măng Lôi lại mọc cụm.

Cũng giống như thân ngầm mọc rải ở các loài tre trúc khác, cây măng Lôi có chồi ở gốc thân phát triển thành thân ngầm bò lan dài trong đất, thân ngầm này có dạng như “roi tre”. Trên các đốt của thân ngầm cây măng Lôi dạng “roi tre” này có mang các chồi ngủ, các chồi ngủ này có thể phát triển thành măng, rồi phát triển thành cây măng Lôi khi trưởng thành, cũng có các chồi phát triển thành thân ngầm mới “roi tre mới”, tuy nhiên ở loài măng Lôi một số chồi ngủ ở đốt của thân ngầm lại phát triển theo kiểu mọc cụm.

Ở rừng măng Lôi trên núi Pù Lôi, các thân ngầm mọc rải và mọc cụm này tạo thành mạng lưới dọc ngang trong đất, các chồi thân ngầm mọc rải và mọc cụm này tạo thành các cây măng Lôi khí sinh riêng rẽ, đơn độc hoặc tạo thành cụm, khoảng cách trung bình 60x60cm, 80x80cm hoặc 100x100cm, thân ngầm cây măng Lôi có khi dài đến hàng mét.



Đo, đếm mẫu thân khí sinh, lá, thân ngầm ngoài thực địa

Cây măng Loi không có gai, kích thước nhỏ, đường kính trung bình từ 0,8-2,1cm, chiều cao từ 1,5-3m, thân có màu xanh, hình tròn, lóng dài từ 15-23cm hay hơn. Trong mỗi lóng có 5-10 vách ngăn dạng màng trắng mỏng. Giữa các lóng là đốt đặc mang chồi, có vòng mo và vòng đốt, vòng đốt to nằm trên và vòng mo phía dưới. Lóng và đốt khi non được mo thân che phủ, khi già mo rụng đi, để lại dấu vết trên thân đó chính là vòng mo.

Cành cây măng Loi mọc ra từ các đốt của thân khí sinh. Cành phát triển nửa thân phía trên, các đốt thường có 3 cành, trên cành tại các đốt cành thường phân thành 1-3 nhánh.

Lá cấu tạo có 2 phần: bẹ lá, phiến lá. Bẹ lá thường dài là phần nối từ cành đến cuống lá, bẹ lá có hình lòng máng, gắn chặt vào cành từ phần nối giữa bẹ lá và phiến lá là cuống lá, cuống lá thường ngắn chỉ vài mm, ngoài ra còn có tai lá, lưỡi lá. Phiến lá có 3-5 đôi gân lá song song, kích thước của lá dài 15-27cm, rộng 1,5-2,5cm.

2.2. Đặc điểm nông sinh học và sinh thái

Do đặc điểm địa hình của dãy núi Pù Loi có độ cao 850m so với mực nước biển, nhiệt độ trung bình năm 18-25°C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối 6-7°C, lượng mưa trung bình năm 2.000mm, số ngày mưa trong năm nhiều, tập trung, độ ẩm không khí 80-85%, vùng núi Pù Loi ẩm ướt và có nhiều mây mù nên ở đây có khí hậu giống với khí hậu á nhiệt đới.

Đất vùng núi Pù Loi khu vực phân bố cây măng Loi là đất Feralit nâu xám, độ dốc trên 25°; đất có thảm mục dày 0-5cm, hàm lượng mùn ở tầng đất mặt khá cao, tầng đất dày trên 50cm, thành phần cơ giới thịt nhẹ,

tỷ lệ sét khá cao; hàm lượng các bon hữu cơ trong đất từ 1,43-1,8%, đất có phản ứng chua mạnh pH_{KCl} từ 4,11-4,15, lân dễ tiêu 0,2mg/100g đất, kali dễ tiêu từ 5,7-9,3 mg/100g đất.

Cây măng Loi thường xuất hiện dưới tán rừng thứ sinh thưa, lẫn với các cây gỗ, cũng có khi lẫn với các loài tre khác như nứa. Măng Loi thường mọc thành từng đám, theo các triền đồi, triền núi. Ở rừng ổn định, mật độ tập trung 200.000-300.000 cây/ha. Mùa ra măng bắt đầu vào đầu mùa mưa (tháng 7), kết thúc vào cuối mùa mưa (tháng 12) hàng năm, thời gian ra măng tập trung nhiều nhất vào tháng 9, 10 hàng năm.

Măng Loi rất ngon nên được dùng chế biến các món ăn tươi và xào, nấu như măng Loi xào thịt bò, ninh sườn lợn, măng Loi om vịt, măng Loi luộc, làm gỏi, bóp nộm. Măng Loi tươi thường được bán từ tháng 8 dương lịch trên địa bàn xã Tiên Kỳ và thị trấn Tân Kỳ, giá bán tương đối cao từ 35.000-50.000 nghìn đồng/kg. Rừng măng Loi có thân và cành xen chặt nên độ phủ lớn và có giá trị chống xói mòn cao so với các loài tre khác.

Hiện chưa có quy trình khai thác măng Loi, nhân dân thường tiến hành chặt trắng cả thân non và già lẫn lộn nên ảnh hưởng xấu đến khả năng sinh trưởng măng và phát triển của rừng. Điều này dẫn đến việc suy thoái rừng giang.

IV. KẾT LUẬN

Măng Loi là loài tre đặc hữu của huyện Tân Kỳ, có diện tích hẹp. Năng suất rừng măng Loi thấp, khó khai thác nên loài tre này chưa được chú ý nghiên cứu để phát triển. Vì vậy trong tương lai, cần sớm khoanh lại những diện tích có thể kinh doanh, đồng thời xây dựng các quy trình khai thác và chế biến để kinh doanh bền vững loài tre đặc hữu, có giá trị kinh tế cao này. Cũng cần nghiên cứu sớm giám định tên khoa học chính xác cho loài măng Loi này. Đây là vấn đề có ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn cao./.